

NỀN CÔNG NGHIỆP CHĂM SÓC SỨC KHỎE

PGS.TS. Lê Văn Truyền *

Tóm tắt: Công nghiệp chăm sóc sức khỏe (CSSK) là một trong những ngành công nghiệp, ngành dịch vụ lớn, phát triển nhanh. Bài viết nêu các đặc điểm và các bộ phận cấu thành của ngành CSSK; chỉ ra vai trò của người thầy thuốc, nhà sản xuất, người bệnh, cơ quan bảo hiểm, bệnh viện và nhà nước đối với ngành này. Tác giả cũng cảnh báo về sự lạm dụng trong việc khám chữa bệnh, sử dụng thuốc men, nêu một số kinh nghiệm phát triển hoạt động CSSK của Hoa Kỳ, Thái Lan, Singapore, đồng thời đặt vấn đề phát triển ngành công nghiệp CSSK của Việt Nam.

Từ khóa: Công nghiệp chăm sóc sức khỏe, thị trường CSSK công nghiệp dược phẩm, công nghệ sinh học.

Abstract: *Healthcare is one of the large and fast-growing service industries. The article indicates the characteristics and components of the healthcare industry, showing the role of physicians, manufacturers, patients, insurance agencies, hospitals, and the government over this industry. The author also warned of the abuse of health care, drug and referred to some pieces of the health-care development experience in the United States, Thailand, and Singapore and mentioned the development of the health care industry of Viet Nam as well.*

Key words: *health care industry, health service, pharmaceutical industry, biotechnology.*

Công nghiệp chăm sóc sức khỏe (CSSK), hay công nghiệp y tế, là một trong những ngành công nghiệp lớn nhất và phát triển nhanh nhất trên thế giới. Công nghiệp CSSK giữ một vai trò cực kỳ lớn trong nền kinh tế của hầu hết các nước phát triển và chiếm trên 10% GDP của các nước này.

Công nghiệp CSSK bao gồm những tổ chức cung cấp dịch vụ chẩn đoán, dự phòng, điều trị, các bệnh viện, các tổ chức y tế tư nhân, y tế công và tổ chức y tế tình nguyện. Công nghiệp CSSK còn

bao gồm các nhà sản xuất - cung ứng thuốc và trang thiết bị y tế. Một trong những lý do để khái niệm “Công nghiệp CSSK” ra đời và ngày càng phổ biến trên thế giới là do sự phân biệt về “sản xuất” và “dịch vụ” đã thay đổi. Hệ thống tài khoản quốc gia định nghĩa “Sản xuất là quá trình sử dụng lao động và máy móc thiết bị của các đơn vị thể chế¹ để chuyển những chi phí là vật chất và dịch vụ thành sản phẩm là vật chất và dịch vụ khác. Tất cả những hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra phải có khả năng bán

¹ Đơn vị thể chế là “một thực thể kinh tế có quyền sở hữu tích sản, phát sinh tiêu sản và thực hiện các hoạt động, các giao dịch kinh tế với những thực thể kinh tế khác”.

trên thị trường hay ít ra cũng có khả năng cung cấp cho một đơn vị thể chế khác có thu tiền hoặc không thu tiền”. Với định nghĩa này, tất cả các hoạt động cung cấp dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe đều có thể được coi là hoạt động sản xuất.

Mosby’s Medical Dictionary định nghĩa: “Công nghiệp chăm sóc sức khỏe là toàn bộ các dịch vụ phòng bệnh, chữa bệnh và điều trị được cung cấp bởi các bệnh viện, các tổ chức, điều dưỡng, bác sĩ, nha sĩ, các nhà quản lý y tế, các tổ chức của nhà nước, các đơn vị thể chế, các tổ chức tình nguyện, các cơ sở CSSK từ thiện, các nhà sản xuất trang thiết bị y tế, các nhà sản xuất dược phẩm và các tổ chức bảo hiểm y tế”.

Tuy nhiên, dịch vụ CSSK có những đặc điểm khác với các dịch vụ và sản phẩm hàng hóa khác. Đầu ra của nhiều nền công nghiệp là những sản phẩm cụ thể, nhưng đầu ra của dịch vụ CSSK không được xác định rõ ràng bằng các sản phẩm cụ thể. Đầu ra của dịch vụ CSSK không thể dự đoán và hiểu rõ bởi cả nhà cung cấp dịch vụ và cả người sử dụng dịch vụ. Vì vậy, sự can thiệp của tổ chức thứ ba, tổ chức thanh toán chi phí (cơ quan bảo hiểm y tế) và chính quyền (cơ quan quản lý nhà nước về CSSK) là rất quan trọng và toàn diện. Mặc dù có sự khác biệt trên đây, thị trường CSSK vẫn phải tuân thủ các quy luật kinh tế cơ bản và việc phân tích kinh tế là rất quan trọng để xác định chính sách y tế công cộng.

Mục tiêu cuối cùng của CSSK và y tế là hiệu quả đối với sức khỏe. Hiệu quả này chỉ có thể xác định là khả năng (xác suất) trước khi cung cấp dịch vụ và cũng khó đo lường được ngay cả sau khi dịch vụ được thực hiện. Chăm sóc y tế không phải là yếu tố duy nhất quyết định sức khỏe, mà còn các yếu tố khác cũng có ý nghĩa quan trọng, như dinh dưỡng, luyện tập thể dục và lối sống,... Sự phân bổ có hiệu quả nguồn lực đầu tư vào khu vực y

tế công hay y tế tư nhân đòi hỏi phải thận trọng đánh giá cân bằng chi phí và hiệu quả trên đầu ra của mỗi khu vực.

Một đặc điểm của thị trường công nghiệp CSSK là sự mất cân đối thông tin (asymmetric information). Người sử dụng dịch vụ y tế/sản phẩm (dược phẩm, trang thiết bị y tế, xét nghiệm,...), hay nói cách khác, người tiêu dùng trong nền công nghiệp CSSK, luôn luôn nhận được ít thông tin về nguy cơ và lợi ích của dịch vụ/sản phẩm hơn so với các nhà cung cấp dịch vụ y tế /thầy thuốc và nhà sản xuất, cung cấp sản phẩm thiết bị, dụng cụ y tế và dược phẩm. Vì vậy, các thầy thuốc và nhà sản xuất đóng vai trò kép: vừa là người tư vấn, vừa là người cung cấp dịch vụ/sản phẩm chăm sóc sức khỏe. Thật ra, vai trò kép này có thể nhận thấy ở một số lĩnh vực khác, tuy nhiên, đối với việc khám chữa bệnh, hiện tượng này trở nên phức tạp hơn, bởi vì thầy thuốc không chỉ thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh nói riêng hoặc CSSK nói chung cho bệnh nhân, mà đồng thời lại phải chịu sự kiểm soát của bên thứ ba: người trả tiền (cơ quan cung cấp ngân sách nhà nước và/hoặc cơ quan bảo hiểm y tế) và nhà quản lý và hoạch định chính sách CSSK. Trên thực tế, mỗi cá nhân người bệnh đều có khuynh hướng mong muốn được hưởng thụ bất cứ dịch vụ/sản phẩm nào được kỳ vọng có lợi cho sức khỏe của họ nếu họ không phải trả tiền. Đây là điều mà các nhà kinh tế mô tả bằng khái niệm “sự lạm tín” (moral hazard) gây ra sự chênh lệch giữa chi phí biên cá nhân (bệnh nhân) của một hoạt động CSSK và chi phí biên xã hội (của cơ quan bảo hiểm y tế và /hoặc ngân sách y tế) của hoạt động đó, dẫn đến hậu quả là không phân bổ tối ưu các nguồn lực cá nhân và đặc biệt là các nguồn lực xã hội vào công tác CSSK nói chung và khám chữa bệnh nói riêng. Trên thực tế, có thể thấy rất nhiều dẫn chứng

về “sự lạm tín” trong hệ thống khám chữa bệnh và CSSK, như lạm dụng thuốc, lạm dụng kỹ thuật cao và các thiết bị đắt tiền (sophisticated medical equipment), lạm dụng xét nghiệm,... hoặc người bệnh đòi hỏi được sử dụng các biệt dược gốc thay vì các thuốc generic có chất lượng và tác dụng tương đương với giá cả chấp nhận được,... Các hành động này diễn ra trên quy mô lớn, phổ biến sẽ dẫn đến việc ngân sách y tế luôn luôn thiếu hụt không những chỉ vì thực trạng của nền kinh tế và nguồn lực tài chính quốc gia hạn hẹp, mà còn vì không kiểm soát được lãng phí và bất hợp lý trong sử dụng ngân sách y tế và quỹ bảo hiểm y tế. Mặt khác, cơ quan bảo hiểm y tế – với tư cách “bên thứ ba” chịu trách nhiệm thanh toán chi phí khám chữa bệnh và CSSK – luôn luôn chịu áp lực cao về việc chi vượt thu, như người ta vẫn thường nói là nguy cơ “vỡ quỹ” bảo hiểm y tế.

Vì vậy, để một nền công nghiệp CSSK hoạt động lành mạnh, hợp lý và có hiệu quả, cơ quan quản lý y tế và các tổ chức bảo hiểm y tế cần phải có các biện pháp và sáng kiến nhằm kiểm soát và hạn chế hữu hiệu “sự lạm tín” cả ở phía bệnh nhân/người sử dụng dịch vụ/sản phẩm và cả những người/tổ chức cung cấp dịch vụ/sản phẩm CSSK. Những biện pháp/sáng kiến như vậy phải làm cho các nhà cung cấp dịch vụ/sản phẩm cân nhắc để cân bằng được giữa sự mong muốn trước mắt của bệnh nhân và lợi ích dài hạn của cơ quan bảo hiểm y tế và cơ quan quản lý ngân sách y tế trong một thị trường ngày càng phát triển của nền công nghiệp CSSK. Đây là điều mà người ta vẫn hay nói là chống “lạm dụng quỹ bảo hiểm y tế”.

CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH NỀN CÔNG NGHIỆP CSSK

Nhằm mục đích quản lý và đầu tư nguồn lực tài chính, công nghiệp CSSK thường được phân ra các lĩnh vực khác

nhau. Hệ thống chuẩn phân ngành công nghiệp quốc tế của Liên hợp quốc (The United Nations International Standard Industrial Classification – ISIC) chia công nghiệp CSSK thành ba lĩnh vực:

1. Hoạt động của các bệnh viện.
2. Hoạt động thực hành y học và nha khoa.
3. Các hoạt động CSSK khác cho người.

Các hoạt động trong lĩnh vực thứ ba bao gồm các hoạt động của các điều dưỡng viên, nữ hộ sinh, các nhà vật lý trị liệu, các phòng xét nghiệm/chẩn đoán, các phòng khám, kể cả các thực hành liên quan đến y tế, như thủy liệu pháp, dịch vụ xoa bóp y học, điều trị bằng yoga, điều trị bằng âm nhạc, đo khám mắt, điều trị bệnh nghề nghiệp, trị liệu ngôn ngữ, điều trị các bệnh về chân (chiroprody), châm cứu, nắn cột sống (chiropractics),...

Tiêu chuẩn phân loại công nghiệp toàn cầu (The Global Industry Classification Standard) và Tiêu chuẩn phân loại công nghiệp (The Industry Classification Benchmark) chia công nghiệp CSSK thành hai nhóm chính:

1. Dịch vụ y tế và thiết bị y tế.
2. Công nghiệp dược phẩm, công nghệ sinh học và các ngành khoa học liên quan.

Nhóm dịch vụ y tế và thiết bị y tế bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ y tế, như bệnh viện, phòng khám, dịch vụ CSSK và điều dưỡng tại nhà và các công ty sản xuất và cung cấp thiết bị y tế. Nhóm thứ hai bao gồm các nhà sản xuất dược phẩm, công nghệ sinh học và dịch vụ khoa học.

Khi định nghĩa về công nghiệp CSSK, có một cách tiếp cận rộng hơn, bao gồm cả các hoạt động quan trọng khác liên quan đến sức khỏe như các tổ chức đào tạo, huấn luyện cán bộ y tế, các nhà quản lý cung cấp dịch vụ y tế, các nhà cung cấp dịch vụ y học cổ truyền và y học bổ sung (traditional and complementary medicine) và quản lý bảo hiểm y tế.

Công nghiệp CSSK Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là một trong những quốc gia có nền công nghiệp CSSK phát triển hàng đầu thế giới, xác định công nghiệp CSSK bao gồm các lĩnh vực cụ thể sau đây:

1. Công nghiệp dịch vụ CSSK (khám, chữa bệnh và CSSK).
2. Công nghiệp thiết bị y tế.
3. Công nghiệp dược phẩm và nguyên liệu dược.
4. Công nghiệp công nghệ sinh học/ thuốc sinh học (Biomedicines) và thuốc sinh học tương tự (Biosimilars).
5. Công nghiệp CSSK bằng y học thay thế (Alternative Medicine).
6. Công nghiệp sản phẩm bổ sung dinh dưỡng (Dietary Supplements).
7. Công nghiệp trang bị nội thất bệnh viện.
8. Công nghiệp sản xuất sản phẩm chăm sóc cá nhân.
9. Công nghiệp phòng sạch (Cleanrooms Industry).
10. Công nghiệp xử lý nước thải bệnh viện.
11. Công nghiệp sản xuất trang phục bệnh viện.

Công nghiệp CSSK Thái Lan

Với dân số khoảng 67,96 triệu người (2015), theo số liệu nghiên cứu của Đại học Srinakharinwirot (Ấn Độ, 2016) thị trường công nghiệp CSSK Thái Lan đạt 24 tỷ US\$ (2015) với tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm 15%.

Thái Lan có rất nhiều lợi thế về dịch vụ CSSK: bệnh viện lớn nhất Đông Nam Á tại thủ đô Bangkok; là quốc gia đầu tiên ở Châu Á được cấp Chứng chỉ của cơ quan giám định chất lượng bệnh viện Joint Commission International (JCI); cả nước có hơn 1.000 cơ sở y tế nhà nước, 400 cơ sở tư nhân và được xem là một trong những quốc gia hàng đầu về du lịch CSSK. Giống như các quốc gia phương Tây, ngành CSSK

của Thái Lan luôn được phục vụ bằng những bệnh viện và bác sĩ chất lượng hàng đầu, với những cơ sở chăm sóc sức khỏe dài hạn, spa CSSK, phòng chẩn đoán, hiệu thuốc, sản xuất thuốc và các thiết bị y tế. Thái Lan cũng giành ưu tiên hàng đầu cho R&D nhằm mục đích sản xuất những loại thuốc tiên tiến.

Thái Lan là nước đứng đầu về tổ chức các hội nghị CSSK nhờ có nhiều bệnh nhân nước ngoài, bao gồm những người tham gia chương trình du lịch CSSK và cộng đồng người nước ngoài làm việc tại Thái Lan. Tuy nhiên, điều làm cho Thái Lan trở nên nổi bật nhất trong lĩnh vực này chính là cách làm việc đầy sáng tạo trong công tác tổ chức sự kiện thương mại, những điểm đến lý tưởng mang đến giá trị cao, cùng với vô số những cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp muốn tổ chức những sự kiện đầy ý nghĩa và đáng nhớ cho tất cả những vị khách tham dự của họ.

Thái Lan nhanh chóng trở thành trung tâm của khu vực về công nghiệp dược, và rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài đang tận dụng lợi thế về kết cấu hạ tầng, phương tiện vật chất, dịch vụ chuyên nghiệp, năng lực sản xuất, nghiên cứu của Thái Lan để đẩy mạnh kinh doanh của họ. Các tập đoàn về y tế hàng đầu thế giới đều có trụ sở sản xuất tại Thái Lan, như 3M, Bausch & Lomb, GE Medical Sytems, Johnson & Johnson, Medtronic và Siemens. Tất cả những công ty này đều gặt hái được rất nhiều thành công trong lĩnh vực y tế và CSSK của họ, cả về doanh thu, đầu tư và tăng trưởng.

Công nghiệp CSSK Singapore

Chất lượng của hệ thống CSSK Singapore rất cao. Quốc đảo này được coi là một trong những nơi CSSK tốt nhất thế giới. Người Singapore có tuổi thọ cao và tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh thấp. Công dân được hưởng phúc lợi từ việc CSSK một cách toàn diện, được ngân sách quốc gia

tài trợ; tiền tích lũy bảo hiểm sức khỏe thuộc dự án Medisave được thông tin đến từng hộ gia đình. Mọi dịch vụ y tế được thanh toán như một dạng trợ cấp cho công dân. Chi phí CSSK cho những ai không tham gia dự án Medisave rất cao, đặc biệt đối với khách du lịch ở những nước lân cận thuộc khu vực Đông Nam Á. Điều này là nhằm để du khách lựa chọn bảo hiểm phù hợp hay tính đến chuyện hồi hương về nước trong trường hợp khẩn cấp.

Nếu cần một xe cứu thương, hãy gọi 995. Sẽ nhận được sự chăm sóc khẩn cấp và tốt nhất, khi gọi số điện thoại: 6321 4311 cho Bệnh viện đa khoa Quốc gia Singapore. Ngoài ra, tại đây còn có các cơ sở y tế tư nhân, như Bệnh viện Raffles,... với chất lượng CSSK hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, nhưng giá cả thường thấp hơn ở châu Âu và Mỹ. Cũng dễ dàng tìm được các hiệu thuốc phân bố rộng rãi trên khắp nước, đặc biệt là chuỗi cửa hàng Watson và Guardian, dược sĩ có thể tư vấn điều trị những căn bệnh thông thường.

Frost & Sullivan dự đoán thị trường công nghiệp sức khỏe Singapore giai đoạn 2012-2018 tăng trưởng bình quân hàng năm 11,4% và đạt giá trị 22,3 tỷ US\$ vào năm 2018. Đây là một con số đầy ấn tượng khi dân số Singapore khoảng 5,5 triệu người (2015), chỉ bằng khoảng 1/20 dân số Việt Nam. Cũng cần chú ý là Singapore đã đầu tư mạnh mẽ vào khoa học - công nghệ và quản lý chất lượng để có một nền công nghiệp CSSK thông qua du lịch. Một nghiên cứu tiến hành năm 2011 cho thấy, hàng năm có khoảng 200.000 khách du lịch đến Singapore sử dụng các dịch vụ CSSK và chữa bệnh. Du lịch CSSK và chữa bệnh đã đem lại cho Singapore một doanh thu khoảng 3 tỷ SGD/năm.

CÓ CHẴNG MỘT NỀN CÔNG NGHIỆP CSSK VIỆT NAM?

Hiện nay chưa có một đánh giá chính

thức về thị trường công nghiệp CSSK ở Việt Nam. Theo một nghiên cứu của Austrade và Australia Unlimited (2016), thị trường công nghiệp sức khỏe của Việt Nam ước tính là 13 tỷ US\$ (2015) và dự đoán sẽ đạt 24 tỷ US\$ vào năm 2020. Tuy nhiên cũng cần thấy rằng, số liệu về thị trường công nghiệp CSSK của Việt Nam trên thực tế có thể lớn hơn các số liệu nói trên vì Việt Nam chưa áp dụng hệ thống Tiêu chuẩn phân loại công nghiệp toàn cầu và việc thu thập số liệu vẫn còn manh mún, thiếu tập trung, vừa không đầy đủ, vừa bị trùng lặp.

Ở Việt Nam trước đây, theo truyền thống, ngành y tế vẫn được xếp vào khu vực sự nghiệp (phi sản xuất), có nhiệm vụ cung cấp dịch vụ phòng chữa bệnh bằng ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, với chính sách xã hội hóa y tế, trong hai thập niên qua, các tổ chức y tế tư nhân đã phát triển mạnh mẽ cung cấp nhiều loại hình dịch vụ (phòng bệnh, khám bệnh, điều trị kể cả điều trị bằng kỹ thuật cao, xét nghiệm và hoạt động thí nghiệm khác,...). Hai ngành công nghiệp quốc doanh quan trọng liên quan đến CSSK là công nghiệp dược (kể cả công nghiệp sản xuất vacxin) và công nghiệp thiết bị y tế đã được cổ phần hóa tạo tiền đề cho việc khuyến khích các nguồn đầu tư tư nhân (trong nước và nước ngoài) vào các ngành công nghiệp này.

Trên thực tế, theo Tiêu chuẩn phân loại công nghiệp toàn cầu (The Global Industry Classification Standard) và Tiêu chuẩn phân loại công nghiệp (The Industry Classification Benchmark), có thể thấy Việt Nam hội đủ các bộ phận cấu thành một nền công nghiệp CSSK bao gồm thị trường dịch vụ y tế (công và tư), công nghiệp thiết bị y tế và công nghiệp dược phẩm, vacxin và các công nghiệp phụ trợ khác liên quan đến hệ thống CSSK (xây dựng bệnh viện, nhà máy dược phẩm, xử lý nước thải y tế và công nghiệp dược/vacxin,...).

Trước thực tế nêu trên, có lẽ đã đến lúc cần nghiên cứu kỹ các khái niệm, các đặc điểm, các bộ phận cấu thành của nền công nghiệp CSSK ở Việt Nam, nghiên cứu các quy luật kinh tế đang được vận hành trên thực tế trong lĩnh vực này để có định hướng xây dựng các chính sách và quy định quản lý Nhà nước thích hợp cho từng bộ phận cấu thành của nền công nghiệp CSSK của Việt Nam trong mối quan hệ tương hỗ, tác động qua lại lẫn nhau để tạo nên sự phát triển hài hòa của cả hệ thống, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp CSSK nhân dân.

Trong những năm sắp tới, trong xu thế của toàn cầu cũng như khu vực, công nghiệp CSSK Việt Nam chắc chắn sẽ có những bước phát triển vượt bậc vì những lý do sau đây:

1. Dân số Việt Nam ngày càng già. Các thế hệ sinh ra sau 1955 và 1975 bước vào tuổi già và cận già, là những nhóm người cần có sự CSSK nhiều nhất. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam ngày càng tăng. Nhờ có thuốc men và chăm sóc y tế, con người có thể sống lâu hơn, nhưng đồng thời cũng cần đến CSSK nhiều hơn.

2. Tăng dân số. Ngành Y tế phải đáp ứng cả tầng lớp dân số trẻ, trung niên và người già.

3. Sự tiến bộ của công nghệ và công nghiệp dược phẩm, công nghiệp trang thiết

bị y tế công nghệ cao. Công nghiệp dược phẩm/thuốc sinh học và vacxin phát triển bền vững với tốc độ tăng trưởng cao.

4. Nền y tế đang trong tiến trình cải cách đảm bảo cho người dân ngày càng dễ dàng tiếp cận các dịch vụ CSSK. Tính sẵn có của dịch vụ CSSK.

5. Ngày càng có nhiều phương pháp mới chữa bệnh (HIV, ung thư, tim mạch, các bệnh liên quan đến chuyển hóa,...) và các thiết bị y tế hiện đại được áp dụng ở Việt Nam.

6. Trình độ giáo dục và trình độ dân trí ngày càng cao. Công nghiệp CSSK ngày càng phát triển đòi hỏi lực lượng lao động phải thông qua trình độ cao đẳng hoặc đại học với thời gian đào tạo 4-6 năm trở lên.

Trước thực tế nêu trên, có lẽ đã đến lúc cần nghiên cứu kỹ các khái niệm, các đặc điểm, các bộ phận cấu thành của nền công nghiệp CSSK ở Việt Nam, nghiên cứu các quy luật kinh tế đang được vận hành trên thực tế trong lĩnh vực này để có định hướng xây dựng các chính sách và quy định quản lý nhà nước thích hợp cho từng bộ phận cấu thành của nền công nghiệp CSSK của Việt Nam trong mối quan hệ tương hỗ, tác động qua lại lẫn nhau, để tạo nên sự phát triển hài hòa của cả hệ thống, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp CSSK nhân dân.

Tài liệu tham khảo chính:

1. *Mosby's Medical Dictionary*. 8th edition, 2009, Elsevier
2. *United States Pharmaceuticals and Healthcare Report*. Q2, 2012, BMI, March 20, 2012. <http://www.marketresearch.com>.
3. *Healthcare Industry Analysis*. 2012, Cost & Trends.
4. Plunkett Research Ltd. *Health Care Industry Market Research*.
5. Singapore Business News. 25th July 2012. *Singapore Healthcare Industry*.
6. *Singapore Pharmaceuticals and Healthcare Report*. Q2, 2012. Business Monitor International, March 20, 2012.
7. National Center on Education and Economy. Peter E Carlson. *Healthcare Industry Trends*. December, 2006.
8. *Thailand Healthcare Industry 2011-2012*. Report Linker.